

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 17/02/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1979

Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1976

Đều có địa chỉ: Khu dân cư B- T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Chị T, anh T1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn ngày 25 tháng 9 năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C(nay là UBND phường C), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị T 20 tuổi, anh T1 23 tuổi, đều làm lao động tự do. Anh chị có thời gian quen biết, yêu

thương nhau được 1 năm thì đi đến kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh T1. Quá trình vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt. Nguyên nhân là do anh T1 có mải chơi, uống rượu chè. Tuy vậy, vì con cái nên anh chị vẫn chung sống với nhau. Đến năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Theo chị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 vẫn không chịu thay đổi, vẫn mải chơi rượu chè, rồi về nhà sinh sự đánh chửi chị và con. Có lúc đến 2 giờ sáng, anh T1 không cho chị nghỉ ngơi mà rượu vào còn sinh sự chửi bới, hành hạ chị về tinh thần khiến chị không thể chịu đựng được nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T1. Theo anh T1, mâu thuẫn vợ chồng là do anh có nghe dư luận chị T có quan hệ với người đàn ông khác, cụ thể là ai thì anh không biết và không yêu cầu xử lý gì người đàn ông này. Anh sẵn sàng tha thứ cho chị T để vợ chồng về đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Minh H, sinh ngày 02/11/1999 và Trần Quỳnh A, sinh ngày 25/9/2007. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T và anh T1 đều không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại chị T làm nghề bán hàng vàng mã, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng, anh T1 làm nghề xây dựng, thu nhập hàng tháng là 9.000.000đồng. Thời gian làm việc, anh chị đều làm nghề tự do nên có thời gian, điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh T1 có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với bà B- mẹ đẻ chị T, bà T- mẹ đẻ anh T1 xác nhận: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn và được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998. Quá trình anh chị chung sống, anh chị có ở chung với bà T được 10 năm thì ra ở riêng. Hiện tại, anh T1 ở nhà làm vàng mã cho chị T đi bán. Theo bà B, anh T1 mải chơi, kinh tế trong gia đình để một mình chị T lo lắng. Anh T1 thường xuyên say rượu, chửi khách hàng, chửi cả mẹ vợ và còn đánh chị T nên gia đình đề nghị cho chị T được ly hôn anh T1. Theo bà T, anh T1 có uống rượu nhưng không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Gia đình bà có nghe dư luận chị T không chung thủy với chồng con nhưng là cuộc sống riêng của vợ chồng anh chị nên bà không can thiệp. Hiện chị T xin ly hôn anh T1, quan điểm của gia đình bà đề nghị anh chị đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh T1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T1. Về con chung: Con chung là Trần Minh H, sinh ngày 02/11/1999, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết. Giao con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 25/9/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Cao Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn T1 có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn T1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Trần Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị sinh sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt. Tuy vậy, thời gian gần đây, anh chị mới xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Bản thân chị T và gia đình cho rằng anh T1 mãi chơi, rượu chè thường xuyên, không chăm lo kinh tế gia đình mà còn chửi bới, xúc phạm chị, gia đình chị khiến chị không thể chịu đựng được nữa. Theo anh T1, mâu thuẫn do anh có nghi ngờ, chị T có dư luận không chung thủy với chồng con. Dù vậy, anh vẫn tha thứ cho chị T và không đồng ý ly hôn. Nhưng anh cũng không còn biện pháp nào

để níu kéo tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, việc anh T1 không đồng ý ly hôn chị T vì thương các con và đề nghị Tòa án dừng giải quyết ly hôn vợ chồng vì muốn chị T mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về chia đôi không phải lý do để vợ chồng đoàn tụ. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh T1 thì thấy:

Con chung của anh chị là Trần Minh H, sinh ngày 02/11/1999, hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 25/9/2007. Xét nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp nguyện vọng người làm cha làm mẹ. Tuy vậy, cháu Quỳnh A là con gái, cháu có nguyện vọng được ở với chị T. Hiện chị T đang làm nghề bán hàng, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng. Hàng năm, cháu Quỳnh A vẫn được học sinh tiên tiến. Vì vậy, việc tiếp tục giao cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T ly hôn anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung Trần Quỳnh A, sinh ngày 25/9/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002788 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương